

Số: 38/24/CV-HAGL

(V/v: Giải trình BCTC Tổng hợp năm 2023 đã được kiểm toán)

Gia Lai, ngày 26 tháng 3 năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) (mã CK: HAG) giải trình kết quả kinh doanh và ý kiến nhấn mạnh trên Báo cáo tài chính Tổng hợp năm 2023 đã được kiểm toán như sau:

I. Giải trình chênh lệch kết quả hoạt động kinh doanh giữa Báo cáo tài chính Tổng hợp Quý IV/2023 chưa kiểm toán và Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2023 được kiểm toán:

ĐVT: Ngân VND

Khoản mục	BCTC Tổng hợp Quý IV/2023 (Chưa kiểm toán)	BCTC Tổng hợp Năm 2023 (Đã kiểm toán)	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	164.660.998	141.039.777	23.621.221

Nguyên nhân chủ yếu do kiểm toán viên đã đề nghị trích thêm chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh.

II. Giải trình biến động kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính Tổng hợp năm 2023 so với Báo cáo tài chính Tổng hợp năm 2022 đã được kiểm toán:

ĐVT: Ngân VND

Khoản mục	BCTC Tổng hợp năm 2023 (Đã kiểm toán)	BCTC Tổng hợp năm 2022 (Đã kiểm toán)	Biến động
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	141.039.777	180.389.114	(39.349.337)

Nguyên nhân chủ yếu do chi phí lãi vay tăng cao so với cùng kỳ năm 2022.

III. Giải trình ý kiến nhấn mạnh trong Báo cáo tài chính Tổng hợp năm 2023 đã được kiểm toán:

Trong Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2023 đã được kiểm toán, kiểm toán viên có nhấn mạnh đến khoản lỗ lũy kế của Công ty là 3.398.978.774 ngàn VND, và tại ngày này, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 1.262.358.621 ngàn VND. Điều kiện này cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh số 2.6 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp năm 2023 này, Công ty đã lập kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo bao gồm dòng tiền dự kiến sẽ được tạo ra từ việc thanh lý một phần các khoản đầu tư tài chính, thu hồi nợ từ các đối tác, dòng tiền từ việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ, tiền đi vay các ngân hàng thương mại và dòng tiền tạo ra từ các dự án đang triển khai. Trong năm 2023 và đầu năm 2024, Công ty đã tắt toán một phần nợ trái phiếu và sẽ tiếp tục giảm dư nợ trái phiếu từ nguồn phát hành cổ phiếu riêng lẻ sắp tới. Công ty cũng đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của các hợp đồng vay, trái phiếu có liên quan. Theo đó, Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong 12 tháng tiếp theo. Dựa trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính tổng hợp năm 2023 trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Trụ Sở Chính: 15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Tp.Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Tel: (+84) 0269 2225 888 Fax: (+84) 0269 2222 335 Email: info@hagl.com.vn

Trên đây là giải trình của Công ty về Báo cáo tài chính Tổng hợp năm 2023 đã được kiểm toán.

Trân trọng kính chào.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN XUÂN THẮNG

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT-KH&ĐT



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	11 - 53

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900377720, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch "HAG".

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có bảy (7) công ty con trực tiếp, tám (8) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và bốn (4) chi nhánh.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; và kinh doanh khách sạn.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	
Ông Nguyễn Chí Thắng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023
Ông Trần Văn Dai	Thành viên độc lập	
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên độc lập	miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát ("BKS") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng ban
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 7 tháng 2 năm 2024
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 7 tháng 2 năm 2024
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Người đại diện pháp luật	từ ngày 15 tháng 2 năm 2024
Ông Võ Trường Sơn	Người đại diện pháp luật	đến ngày 14 tháng 2 năm 2024

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp; và
- ▶ lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để ngày 26 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 60752790/66926721-YE-R

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được lập vào ngày 26 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 53, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.6 của báo cáo tài chính tổng hợp, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 3.398.978.774 ngàn VND, và tại ngày này, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 1.262.358.621 ngàn VND. Điều kiện này cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh số 2.6 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2023-004-1



Thái Trọng Cang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4139-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.344.447.093	6.460.443.311
110	I. Tiền	4	7.946.716	30.395.139
111	1. Tiền		7.946.716	30.395.139
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.331.193.764	6.414.995.552
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	394.070.980	284.431.399
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	314.533.541	296.177.641
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	2.321.446.514	4.426.323.108
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	2.228.139.139	2.364.557.212
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 6, 7, 8	(926.996.410)	(956.493.808)
140	III. Hàng tồn kho	9	1.691.169	7.421.756
141	1. Hàng tồn kho		4.032.744	9.763.331
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.341.575)	(2.341.575)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		3.615.444	7.630.864
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		9.206	2.891.347
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		478.659	1.611.938
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		3.127.579	3.127.579
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		10.960.658.114	8.611.044.113
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.088.192	1.981.787.197
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	5.000.000	1.815.345.034
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	88.192	183.968.426
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	7, 8	-	(17.526.263)
220	II. Tài sản cố định		124.538.151	171.171.201
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	99.259.972	145.893.022
222	Nguyên giá		212.532.943	290.159.528
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(113.272.971)	(144.266.506)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	25.278.179	25.278.179
228	Nguyên giá		40.095.952	40.450.152
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(14.817.773)	(15.171.973)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	36.187.721	59.975.442
231	1. Nguyên giá		47.003.809	74.075.831
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(10.816.088)	(14.100.389)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		15.830.714	13.668.221
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		15.830.714	13.668.221
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	13	10.778.343.222	6.374.664.374
251	1. Đầu tư vào công ty con		11.114.808.169	6.690.982.169
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		5.000.000	5.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.048.791.081	1.048.791.081
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.390.256.028)	(1.370.108.876)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		670.114	9.777.678
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	670.114	9.777.678
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		15.305.105.207	15.071.487.424

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		9.150.195.848	9.056.081.842
310	I. Nợ ngắn hạn		5.606.805.714	4.969.402.909
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	65.908.241	271.216.701
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	10.422.524	10.396.667
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	45.234.678	4.266.210
314	4. Phải trả người lao động		6.495.862	9.444.653
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	3.261.233.031	2.592.059.332
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	468.472.891	123.189.887
320	7. Vay ngắn hạn	20	1.748.934.977	1.958.725.949
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		103.510	103.510
330	II. Nợ dài hạn		3.543.390.134	4.086.678.933
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	18	326.824.519	490.236.779
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	7.666.626	7.666.626
338	3. Vay dài hạn	20	3.199.130.581	3.581.600.405
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	27.2	4.403.574	1.810.289
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		5.364.834	5.364.834
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		6.154.909.359	6.015.405.582
410	I. Vốn chủ sở hữu	21.1	6.154.909.359	6.015.405.582
411	1. Vốn cổ phần		9.274.679.470	9.274.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		9.274.679.470	9.274.679.470
415	2. Cổ phiếu quỹ		(686.640)	(686.640)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		279.895.303	279.895.303
421	4. Lỗ lũy kế		(3.398.978.774)	(3.538.482.551)
421a	- Lỗ lũy kế đến năm trước		(3.540.018.551)	(3.718.871.665)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm		141.039.777	180.389.114
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		15.305.105.207	15.071.487.424

Phạm Thị Thu Hà
Người lập

Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	33.433.374	119.579.060
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	33.433.374	119.579.060
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(27.241.298)	(108.726.875)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.192.076	10.852.185
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	620.469.566	514.546.432
22	7. Chi phí tài chính	24	(568.287.938)	(1.176.959.772)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(548.037.985)	(470.202.327)
25	8. Chi phí bán hàng	25	(3.501.016)	(2.348.304)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(17.286.018)	871.014.739
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		37.586.670	217.105.280
31	11. Thu nhập khác	26	137.187.051	813.984
32	12. Chi phí khác	26	(2.593.922)	(35.114.704)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác	26	134.593.129	(34.300.720)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		172.179.799	182.804.560
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(28.546.737)	-
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	27.2	(2.593.285)	(2.415.446)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		141.039.777	180.389.114

Phạm Thị Thu Hà
Người lập

Lê Trương Ý Trâm
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023


Ngàn VND

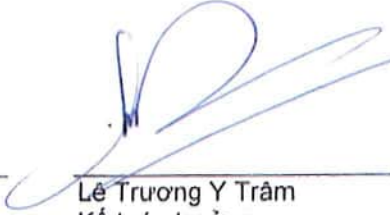
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		172.179.799	182.804.560
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư	10, 11, 12	8.419.424	9.762.031
03	Hoàn nhập các khoản dự phòng		(26.876.510)	(247.913.966)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(12.981.392)	(10.558.017)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(744.660.650)	(503.588.547)
06	Chi phí lãi vay	24	548.037.985	470.202.327
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(55.881.344)	(99.291.612)
09	Tăng các khoản phải thu		(141.027.503)	(61.205.726)
10	Giảm hàng tồn kho		5.730.588	7.455.585
11	Tăng các khoản phải trả		145.085.330	88.688.781
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		3.685.762	(2.321.057)
14	Tiền lãi vay đã trả		(29.599.717)	(31.233.617)
15	Thuế TNDN đã nộp	17	(549.614)	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.536.000)	(2.652.001)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(74.092.498)	(100.559.647)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(2.222.393)	(38.071)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		207.000.000	-
23	Tiền chi cho vay		(51.179.497)	(2.128.582.270)
24	Tiền thu hồi cho vay		477.881.753	1.942.360.062
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(27.500.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		20.000.000	876.513.939
27	Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi		164.212	51.144.590
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		651.644.075	713.898.250


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	20	919.000.000	-
34	Tiền trả nợ gốc vay và trái phiếu	20	(1.519.000.000)	(605.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(600.000.000)	(605.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(22.448.423)	8.338.603
60	Tiền đầu năm		30.395.139	22.056.536
70	Tiền cuối năm	4	7.946.716	30.395.139


Phạm Thị Thu Hà
Người lập


Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng


Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900377720, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch "HAG".

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có bảy (7) công ty con trực tiếp, tám (8) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và bốn (4) chi nhánh với chi tiết như sau:

Tên công ty	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Lĩnh vực nông nghiệp				
(1) Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	98,78	98,78
(2) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	98,78
(3) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00	98,78
(4) Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	88,03	88,03
(5) Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Mang Yang	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	51,00	44,90
(6) Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	95,45
(7) Công ty Cổ phần Lê Me	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	87,74
(8) Công ty TNHH Sản xuất Bột mì	Stung Treng, Campuchia	Đang hoạt động	100,00	87,74
(9) Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Bolaven	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	98,78
(10) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Hoàn Thịnh Attapeu	Attapeu, Lào	Trước hoạt động (i)	100,00	86,86
(11) Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn gia súc Trà Bá	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	86,86
(12) Công ty Cổ phần Trồng trọt Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Trước hoạt động (i)	100,00	86,86
(13) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Kon Thụp	Gia Lai, Việt Nam	Trước hoạt động (i)	88,03	88,03
Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh và dịch vụ				
(14) Công ty Cổ phần Thể thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	97,50
(15) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Viêng Chăn, Lào	Trước hoạt động (i)	100,00	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có bảy (7) công ty con trực tiếp, tám (8) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và bốn (4) chi nhánh với chi tiết như sau: (tiếp theo)

Tên công ty	Trụ sở	Tình trạng	Tỷ lệ	Tỷ lệ
		hoạt động	biểu quyết	sở hữu
			(%)	(%)
Công ty liên kết				
(1) Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	25,00	25,00

Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc:

Dịch vụ hàng hóa - xây dựng

(1) Chi nhánh Nguyên vật liệu - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-
(2) Chi nhánh Cơ khí - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-
(3) Chi nhánh Chế biến Hoa quả - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-

Quản lý bất động sản và khách sạn

(4) Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-
---------------------------------	-------------------	----------------	---	---

(i) Tình trạng trước hoạt động là tình trạng công ty con đang trong giai đoạn đầu tư và chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; kinh doanh khách sạn.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 247 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 290).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty có các công ty con như được trình bày trong Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 13.1 của báo cáo tài chính tổng hợp. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để ngày 26 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty (bao gồm báo cáo của Hội sở và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc) được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 3.398.978.774 ngàn VND, và tại ngày này, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 1.262.358.621 ngàn VND. Ngoài ra, tại ngày này, Công ty cũng đang vi phạm một số cam kết đối với hợp đồng trái phiếu và đang chưa thanh toán các khoản nợ gốc và lãi trái phiếu đến hạn thanh toán như được trình bày tại Thuyết minh số 20. Những điều kiện này cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Công ty đã lập kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo bao gồm dòng tiền dự kiến sẽ được tạo ra từ việc thanh lý một phần các khoản đầu tư tài chính, thanh lý tài sản, thu hồi các khoản cho vay từ các đối tác, dòng tiền từ việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho các cổ đông, tiền đi vay các ngân hàng thương mại và dòng tiền tạo ra từ các dự án đang triển khai. Công ty cũng đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của các hợp đồng vay liên quan. Theo đó, Công ty kỳ vọng có thể hoàn trả các khoản nợ đến hạn và tiếp tục hoạt động trong 12 tháng tiếp theo. Dựa trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Công ty lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|--|
| Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - Giá gốc thành phẩm áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các loại hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vườn cây lâu năm	7 năm
Phần mềm máy vi tính	8 năm
Tài sản khác	6 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	23 - 30 năm
Quyền sử dụng đất	36 - 43 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán tổng hợp. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động phát sinh trong năm.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp:

- ▶ Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Các khoản chi phí trả trước khác.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán tổng hợp.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện, trừ đi các khoản giảm giá, chiết khấu và các khoản thuế không hoàn lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	779.757	992.282
Tiền gửi ngân hàng	7.166.959	29.402.857
TỔNG CỘNG	7.946.716	30.395.139

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu tiền thanh lý khoản đầu tư	369.805.976	92.434.018
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.705.081	190.725.046
Phải thu tiền bán căn hộ	1.148.510	1.222.335
Phải thu tiền thanh lý tài sản cố định	411.413	50.000
TỔNG CỘNG	394.070.980	284.431.399
Dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng khó đòi	(12.537.759)	(16.204.381)
GIÁ TRỊ THUẦN	381.533.221	268.227.018
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên thứ ba</i>	379.206.529	101.402.899
<i>Phải thu các bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh ("TM") số 28)</i>	14.864.451	183.028.500

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng khó đòi như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Số đầu năm	16.204.381	51.962.222
<i>Cộng:</i> Dự phòng lập trong năm	171.630	1.075.172
<i>Trừ:</i> Hoàn nhập dự phòng trong năm	(3.838.252)	(36.833.013)
Số cuối năm	12.537.759	16.204.381

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	314.533.541	296.177.641
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(298.180)	(284.297)
GIÁ TRỊ THUẦN	314.235.361	295.893.344
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước cho bên liên quan (TM số 28)</i>	311.517.697	286.841.877
<i>Trả trước cho các bên thứ ba</i>	3.015.844	9.335.764

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi như sau:

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	284.297	-
Cộng: Dự phòng lập trong năm	13.883	284.297
Số cuối năm	<u>298.180</u>	<u>284.297</u>

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Cho vay ngắn hạn các bên liên quan (TM số 28) (i)	2.267.870.587	4.380.367.822
Cho vay ngắn hạn các bên khác	53.575.927	45.955.286
	<u>2.321.446.514</u>	<u>4.426.323.108</u>
Dài hạn		
Cho vay dài hạn các bên liên quan (TM số 28)	5.000.000	1.797.818.771
Cho vay dài hạn các bên khác	-	17.526.263
	<u>5.000.000</u>	<u>1.815.345.034</u>
TỔNG CỘNG	2.326.446.514	6.241.668.142
Dự phòng phải thu về cho vay khó đòi	(61.359.348)	(67.371.929)
GIÁ TRỊ THUẬN	2.265.087.166	6.174.296.213

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu về cho vay khó đòi như sau:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	67.371.929	1.324.625.696
Cộng: Dự phòng lập trong năm	527.922	51.923.896
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(6.540.503)	(1.309.177.663)
Số cuối năm	<u>61.359.348</u>	<u>67.371.929</u>
Trong đó:		
Ngắn hạn	61.359.348	49.845.666
Dài hạn	-	17.526.263

(i) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan, có thời hạn hoàn trả trong năm 2024 và hưởng lãi suất từ 9,30% đến 10,40%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Ngắn hạn		
Chi trả hộ	1.656.776.869	1.427.720.380
Phải thu lãi cho vay	561.927.329	840.071.621
Tạm ứng cho nhân viên	2.831.040	9.055.478
Phải thu khác	6.603.901	87.709.733
	<u>2.228.139.139</u>	<u>2.364.557.212</u>
Dài hạn		
Phải thu lãi cho vay	88.192	183.453.746
Phải thu khác	-	514.680
	<u>88.192</u>	<u>183.968.426</u>
TỔNG CỘNG	2.228.227.331	2.548.525.638
Dự phòng phải thu khác khó đòi	<u>(852.801.123)</u>	<u>(890.159.464)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	1.375.426.208	1.658.366.174
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (TM số 28)</i>	2.215.058.381	2.103.244.062
<i>Phải thu dài hạn các bên liên quan (TM số 28)</i>	88.192	183.453.746
<i>Phải thu các bên thứ ba</i>	13.080.758	261.827.830

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu khác khó đòi như sau:

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Số đầu năm	890.159.464	550.740.871
<i>Cộng:</i> Dự phòng lập trong năm	4.258.650	652.365.714
<i>Trừ:</i> Hoàn nhập dự phòng trong năm	<u>(41.616.991)</u>	<u>(312.947.121)</u>
Số cuối năm	<u>852.801.123</u>	<u>890.159.464</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Ngắn hạn</i>	852.801.123	890.159.464

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngàn VND Số đầu năm</i>
Nguyên vật liệu	2.201.291	5.220.992
Hàng hóa	982.376	992.263
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	790.742	3.430.247
Thành phẩm	58.335	58.335
Công cụ, dụng cụ	-	61.494
TỔNG CỘNG	4.032.744	9.763.331
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.341.575)	(2.341.575)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.691.169	7.421.756

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng hàng tồn kho như sau:

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Số đầu năm	2.341.575	3.703.405
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(1.021.896)
Trừ: Xóa sổ dự phòng trong năm	-	(339.934)
Số cuối năm	<u>2.341.575</u>	<u>2.341.575</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Vườn cây lâu năm	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	227.679.188	19.454.629	32.222.895	4.005.316	6.689.440	108.060	290.159.528
Mua mới trong năm	-	-	-	59.900	-	-	59.900
Thanh lý trong năm	(74.017.110)	(2.824.329)	(572.376)	(272.670)	-	-	(77.686.485)
Số cuối năm	153.662.078	16.630.300	31.650.519	3.792.546	6.689.440	108.060	212.532.943
Trong đó:							
Đã khấu hao hết	14.625.757	15.509.657	20.145.980	2.894.977	6.689.440	108.060	59.973.871
Giá trị khấu hao lũy kế							
Số đầu năm	(86.723.483)	(18.799.925)	(28.513.729)	(3.431.869)	(6.689.440)	(108.060)	(144.266.506)
Khấu hao trong năm	(4.880.397)	(92.016)	(1.154.701)	(216.003)	-	-	(6.343.117)
Thanh lý trong năm	33.899.100	2.592.506	572.376	272.670	-	-	37.336.652
Số cuối năm	(57.704.780)	(16.299.435)	(29.096.054)	(3.375.202)	(6.689.440)	(108.060)	(113.272.971)
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	140.955.705	654.704	3.709.166	573.447	-	-	145.893.022
Số cuối năm	95.957.298	330.865	2.554.465	417.344	-	-	99.259.972
Trong đó:							
Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (TM số 20)	95.177.738	-	2.554.465	-	-	-	97.732.203

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Ngàn VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu năm	25.278.179	15.171.973	40.450.152
Thanh lý trong năm	-	(354.200)	(354.200)
Số cuối năm	<u>25.278.179</u>	<u>14.817.773</u>	<u>40.095.952</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	14.817.773	14.817.773
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	-	(15.171.973)	(15.171.973)
Thanh lý trong năm	-	354.200	354.200
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>(14.817.773)</u>	<u>(14.817.773)</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm và số cuối năm	<u>25.278.179</u>	<u>-</u>	<u>25.278.179</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Công ty (TM số 20)</i>	25.278.179	-	25.278.179

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Ngàn VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu năm	27.072.022	47.003.809	74.075.831
Thanh lý trong năm	(27.072.022)	-	(27.072.022)
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>47.003.809</u>	<u>47.003.809</u>
Giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	(5.175.759)	(8.924.630)	(14.100.389)
Khấu hao và hao mòn trong năm	(184.849)	(1.891.458)	(2.076.307)
Thanh lý trong năm	5.360.608	-	5.360.608
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>(10.816.088)</u>	<u>(10.816.088)</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	<u>21.896.263</u>	<u>38.079.179</u>	<u>59.975.442</u>
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>36.187.721</u>	<u>36.187.721</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Công ty (TM số 20)</i>	-	36.187.721	36.187.721

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Thuyết minh bổ sung:

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	2.629.816	2.118.356
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	2.076.307	2.630.852

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2023. Tuy nhiên, dựa trên giá trị thị trường của các tài sản, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ sách tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào công ty con (TM số 13.1)	11.114.808.169	6.690.982.169
Đầu tư vào công ty liên kết (TM số 13.2)	5.000.000	5.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (TM số 13.3)	1.048.791.081	1.048.791.081
TỔNG CỘNG	12.168.599.250	7.744.773.250
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(1.390.256.028)	(1.370.108.876)
GIÁ TRỊ THUẦN	10.778.343.222	6.374.664.374

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư
		%	Ngàn VND	%	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Lê Me ("Lê Me") (i)	Chăn nuôi và trồng trọt	87,74	3.450.326.000	-	-
Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai (ii)	Nông nghiệp	98,78	2.989.291.000 (712.985.121)	98,00	2.489.291.000 (650.458.785)
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang ("Lơ Pang") (iii)	Chăn nuôi và trồng trọt	95,45	2.745.600.000	-	2.145.600.000
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai (iv)	Chăn nuôi và trồng trọt	88,03	1.814.091.843	-	1.822.042.563
Công ty Cổ phần Thể thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai	Câu lạc bộ bóng đá	97,50	89.769.616 (89.769.616)	97,50	89.769.616 (89.769.616)
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Quản lý bất động sản và khách sạn	100,00	17.778.990 (17.778.990)	100,00	17.778.990 (17.778.990)
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Kon Thụp (iv)	Chăn nuôi và trồng trọt	88,03	7.950.720 (7.950.720)	-	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai (v)	Bệnh viện	-	-	99,00	99.000.000
Công ty Cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai (vi)	Bán buôn thực phẩm	-	-	55,00	27.500.000
TỔNG CỘNG			11.114.808.169 (828.484.447)		6.690.982.169 (758.007.391)

(i) Vào ngày 20 tháng 6 năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc mua Lê Me thông qua hình thức chuyển đổi các khoản phải thu từ Lê Me thành khoản đầu tư, tương đương với 345.032.600 cổ phần hay 87,74% tỷ lệ sở hữu trong Công ty này theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông Số 2611/NQĐHĐCĐ-HAGL ngày 26 tháng 11 năm 2021 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 11/23/NQHĐQT-HAGL ngày 16 tháng 6 năm 2023. Theo đó, Lê Me đã trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Lê Me là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5901099071, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 7 tháng 8 năm 2023. Hoạt động kinh doanh chính của Lê Me trong năm là trồng trọt và chăn nuôi.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

- (ii) Vào ngày 29 tháng 9 năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc chuyển đổi các khoản phải thu từ Hưng Thịnh Lợi thành khoản đầu tư với giá trị là 500.000.000 ngàn VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Hưng Thịnh Lợi tăng từ 98,00% lên 98,78% tại ngày này.
- (iii) Vào ngày 30 tháng 10 năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc chuyển đổi các khoản phải thu từ Lơ Pang thành khoản đầu tư với giá trị là 600.000.000 ngàn VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Lơ Pang tăng từ 90,00% lên 95,45% tại ngày này.
- (iv) Vào ngày 25 tháng 12 năm 2023, Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai đã hoàn tất việc chia tách công ty theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 04/NQ-ĐHĐCĐ.23 ngày 25 tháng 12 năm 2023 của công ty này, để tách thành Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai và một công ty mới là Công ty Cổ phần Nông nghiệp Kon Thụp. Việc chia tách này được thực hiện dựa theo hướng dẫn tại Điều 199, Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nắm giữ 88,03% tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết trong các công ty này.
- (v) Vào ngày 27 tháng 12 năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc thanh lý toàn bộ 99% cổ phần trong Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai cho một bên thứ ba, với tổng giá trị chuyển nhượng là 370.000.000 ngàn VND, và ghi nhận khoản lãi từ việc thanh lý là 271.000.000 ngàn VND vào khoản mục doanh thu tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp (Thuyết minh số 22.2). Việc chuyển nhượng này đã được thông qua theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 27/23/NQHĐQT-HAGL ngày 27 tháng 12 năm 2023.
- (vi) Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 1301/NQ-BAPI.23 ngày 13 tháng 1 năm 2023, các cổ đông của Công ty Cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai ("BAPI") đã phê duyệt việc phát hành riêng lẻ thêm 5.000.000 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu và các nhà đầu tư chiến lược mới nhằm mục đích tăng vốn cổ phần để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong BAPI giảm từ 55% xuống 44,50%, và BAPI trở thành công ty liên kết của Công ty kể từ ngày này. Vào ngày 29 tháng 12 năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc thanh lý toàn bộ 44,50% cổ phần sở hữu trong BAPI cho một bên thứ ba, với tổng giá trị chuyển nhượng là 27.500.000 ngàn VND. Việc chuyển nhượng này đã được thông qua theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 28/23/NQHĐQT-HAGL ngày 29 tháng 12 năm 2023.



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc đầu tư % Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc đầu tư % Ngàn VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Tư vấn và thiết kế	25,00	5.000.000 (5.000.000)	25,00	5.000.000 (5.000.000)
TỔNG CỘNG			5.000.000 (5.000.000)		5.000.000 (5.000.000)

13.3 Đầu tư vào các công ty khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư % Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư % Ngàn VND
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") (*)	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp	9,44	1.041.431.040 (549.411.540)	9,44	1.041.431.040 (605.941.444)
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh Niên	Truyền thông	2,00	6.200.000 (6.200.000)	2,00	6.200.000 -
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hàng không Viễn Đông	Thương mại và vận tải	-	1.160.041 (1.160.041)	-	1.160.041 (1.160.041)
TỔNG CỘNG			1.048.791.081 (556.771.581)		1.048.791.081 (607.101.485)

(*) Một phần cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (TM số 20).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	108.849	1.153.117
Tiền thuê đất trả trước	-	7.886.076
Chi phí trả trước khác	561.265	738.485
TỔNG CỘNG	670.114	9.777.678

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	65.761.281	271.216.701
Phải trả người bán máy móc và thiết bị	146.960	-
TỔNG CỘNG	65.908.241	271.216.701
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả cho các bên liên quan (TM số 28)</i>	36.779.081	240.704.013
<i>Phải trả cho các bên thứ ba</i>	29.129.160	30.512.688

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ứng trước của khách hàng thương mại	10.422.524	10.396.667
<i>Trong đó:</i>		
<i>Ứng trước từ các bên liên quan (TM số 28)</i>	8.684.121	8.710.717
<i>Ứng trước từ các bên thứ ba</i>	1.738.403	1.685.950

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 27.1)	65.230	28.546.737	(549.614)	28.062.353
Thuế giá trị gia tăng	2.116.165	21.890.872	(6.972.799)	17.034.238
Thuế thu nhập cá nhân	1.868.613	3.025.441	(4.755.967)	138.087
Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.909	44.509	(48.418)	-
Khác	212.293	68.446	(280.739)	-
TỔNG CỘNG	4.266.210	53.576.005	(12.607.537)	45.234.678

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	3.227.040.751	2.552.949.571
Chi phí phát hành trái phiếu	15.908.108	15.908.108
Chi phí hoạt động	11.361.155	10.050.838
Chi phí lãi HĐHTKD	2.427.180	2.427.180
Khác	4.495.837	10.723.635
	<u>3.261.233.031</u>	<u>2.592.059.332</u>
Dài hạn		
Chi phí lãi vay	<u>326.824.519</u>	<u>490.236.779</u>
TỔNG CỘNG	<u>3.588.057.550</u>	<u>3.082.296.111</u>

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Phải trả tiền mượn từ các cá nhân và các công ty (i)	409.959.046	78.548.387
Phải trả do thu hộ	37.681.664	43.910.747
Khác	20.832.181	730.753
	<u>468.472.891</u>	<u>123.189.887</u>
Dài hạn		
Phải trả do thu hộ	<u>7.666.626</u>	<u>7.666.626</u>
TỔNG CỘNG	<u>476.139.517</u>	<u>130.856.513</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn các bên liên quan (TM số 28)</i>	412.480.444	58.024.528
<i>Phải trả các bên thứ ba</i>	63.659.073	72.831.985

(i) Khoản này thể hiện các khoản vay không lãi suất và không yêu cầu tài sản đảm bảo từ các cá nhân, các công ty khác và các bên liên quan của Công ty nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vay ngắn hạn		
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	1.748.934.977	1.958.725.949
Vay dài hạn		
Trái phiếu thường dài hạn	<u>3.199.130.581</u>	<u>3.581.600.405</u>
TỔNG CỘNG	<u>4.948.065.558</u>	<u>5.540.326.354</u>

Chi tiết tình hình tăng (giảm) các khoản vay trong năm như sau:

	<i>Ngàn VND</i>		
	<i>Ngắn hạn</i>	<i>Dài hạn</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số đầu năm	1.958.725.949	3.581.600.405	5.540.326.354
Tiền thu từ đi vay	919.000.000	-	919.000.000
Tiền chi trả gốc vay và trái phiếu trong năm	(1.519.000.000)	-	(1.519.000.000)
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	387.694.722	(387.694.722)	-
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	<u>2.514.306</u>	<u>5.224.898</u>	<u>7.739.204</u>
Số cuối năm	<u>1.748.934.977</u>	<u>3.199.130.581</u>	<u>4.948.065.558</u>

Trái phiếu thường dài hạn

	<i>Ngàn VND</i>	
<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
BIDV và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC")	4.671.000.000	5.271.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS")	300.000.000	300.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	<u>(22.934.442)</u>	<u>(30.673.646)</u>
TỔNG CỘNG	<u>4.948.065.558</u>	<u>5.540.326.354</u>

Trong đó:

<i>Trái phiếu dài hạn</i>	<i>3.199.130.581</i>	<i>3.581.600.405</i>
<i>Trái phiếu dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm</i>	<i>1.748.934.977</i>	<i>1.958.725.949</i>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

Trái phiếu thường dài hạn (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền (Ngàn VND)	Lãi suất (%/năm)	Ngày đáo hạn cuối cùng	Mục đích
BIDV và BSC	BIDV (*)	4.671.000.000	Trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng công bố tại Chỉ nhánh của bốn (4) NHMTM tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 3%/năm (31.12.2023: 7,95% - 10,40%/năm)	Ngày 30 tháng 12 năm 2026	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tài cấu trúc nợ vay của Tập đoàn
					Diện tích 4.852,74 ha cao su và Quyền thuê phát sinh theo Hợp đồng thuê đất, toàn bộ tài sản là đồng sản, bất động sản gắn liền với đất tại Tỉnh Attapeu và Tỉnh Sê Kông (Lào) do Công ty TNHH CN&NN Cao su Hoàng Anh - Quang Minh làm chủ sở hữu;
					Diện tích 9.996,9 ha cao su và Quyền thuê phát sinh theo Hợp đồng thuê đất, toàn bộ tài sản là đồng sản, bất động sản gắn liền với đất do Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu làm chủ sở hữu;
					Quyền sở hữu, khai thác rừng trồng 4.733,01 ha cao su và 3.155,79 ha cò dậu tại tỉnh Attapeu (Lào) của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu;
					44.926.000 cổ phiếu HAG do ông Đoàn Nguyên Đức sở hữu;
					Quyền sở hữu, khai thác rừng trồng 1.960,91 ha cao su tại tỉnh Ratanakiri (Campuchia) của Công ty TNHH MTV Heng Brothers;
					Quyền sở hữu, khai thác rừng trồng 3.283,7 ha cao su tại tỉnh Ratanakiri (Campuchia) của Công ty TNHH MTV ORD;
					Công trình Bệnh viện Đại học Y dược HAGL thuộc Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược HAGL; Trụ sở văn phòng làm việc Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty;
					Trụ sở văn phòng làm việc Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; Khu liên hợp Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty;
					16,5 ha chuỗi trên đất thuộc Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty;
					2 tầng khu thương mại thuộc Tổ hợp khu chung cư Thương mại cao cấp Bầu Thạc Gián, Đà Nẵng thuộc sở hữu của Công ty;
					13.310.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 7 xe ô tô thuộc sở hữu của Công ty;
					Trụ sở làm việc và nhà xưởng sản xuất, chế biến gỗ và hàng mộc dân dụng (tại Phường Chi Lăng, Gia Lai) thuộc Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai;
					Nhà máy gỗ nội thất (tại Chư Prong, Gia Lai) thuộc Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai Máy móc thiết bị thuộc Bệnh viện Đại học Y dược HAGL;
					335 ha chuỗi tại Attapeu, Lào thuộc Công ty MTV Phát triển nông nghiệp Khán Xay; 2.789,72 ha tại Stung Cheng, Campuchia thuộc Công ty TNHH Sản xuất Bột Mì;
					Máy móc thiết bị thuộc Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai; 141,5988 ha tại Stung Cheng, Campuchia thuộc Công ty TNHH Sản xuất Bột Mì.
					QSĐĐ số BY 440726 với diện tích 6.993,2 m ² tại Đường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai; 119 căn hộ thuộc Cao ốc văn phòng và nhà ở cao cấp Hoàng Anh Gia Lai, tại địa chỉ Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai;
					Công trình nhà máy đá Granit Hoàng Anh Gia Lai theo GCN số BS 463258; 6.851 con heo giống của Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang; 9.093 con heo giống của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai.

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, diện tích trồng cao su và cò dậu thực tế đang thấp hơn phần diện tích đề cập trong phần Mục đích
giải ngân của Hợp đồng Tín dụng. Các cam kết lần lượt là 4.852,74 ha cao su và 7.102 ha cò dậu. Cùng tại ngày này, Công ty cũng chưa tiến hành thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã
đến hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 với tổng giá trị lần lượt là 100.000.000 ngàn VND và 3.025.461.825 ngàn VND. Vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Công ty đã thanh
toán khoản gốc trái phiếu với giá trị 100.000.000 ngàn VND, cũng như đã có kế hoạch thanh toán khoản lãi vay đã đến hạn trên.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

Trái phiếu thường dài hạn (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền (Ngân VND)	Lãi suất (%/năm)	Ngày đáo hạn cuối cùng	Mục đích	Tài sản thế chấp
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS")	Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	300.000.000	10,00	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	47.000.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyên Đức.
Chi phí phát hành trái phiếu		(22.934.442)				
TỔNG CỘNG		4.948.065.558				
Trong đó:						
Trái phiếu dài hạn		3.199.130.581				
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm		1.748.934.977				

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
Năm trước					Ngàn VND
Số đầu năm	9.274.679.470	(686.640)	279.895.303	(3.716.219.664)	5.837.668.469
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	180.389.114	180.389.114
Chi thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát và Thư ký	-	-	-	(2.652.001)	(2.652.001)
Số cuối năm	9.274.679.470	(686.640)	279.895.303	(3.538.482.551)	6.015.405.582
Năm nay					
Số đầu năm	9.274.679.470	(686.640)	279.895.303	(3.538.482.551)	6.015.405.582
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	141.039.777	141.039.777
Chi thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát và Thư ký	-	-	-	(1.536.000)	(1.536.000)
Số cuối năm	9.274.679.470	(686.640)	279.895.303	(3.398.978.774)	6.154.909.359

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Cổ phiếu

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ phiếu được phép phát hành	927.467.947	927.467.947
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	927.467.947	927.467.947
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>927.467.947</i>	<i>927.467.947</i>
Cổ phiếu đang lưu hành	927.399.283	927.399.283
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>927.399.283</i>	<i>927.399.283</i>
Cổ phiếu quỹ	68.664	68.664
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>68.664</i>	<i>68.664</i>

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 20*, một phần cổ phiếu phổ thông đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay trái phiếu của Công ty.

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Doanh thu thuần	33.433.374	119.579.060
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	30.803.558	29.809.261
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	2.629.816	89.769.799
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ các bên liên quan (TM số 28)</i>	9.889.583	93.107.498
<i>Doanh thu từ các bên khác</i>	23.543.791	26.471.562

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU (tiếp theo)

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Lãi cho vay và lãi tiền gửi ngân hàng	336.483.135	404.242.933
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư (TM số 13.1)	271.000.000	60.049.182
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	12.986.431	11.230.612
Thu nhập cổ tức	-	39.023.705
TỔNG CỘNG	620.469.566	514.546.432
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ các bên thứ ba</i>	336.171.595	72.062.683
<i>Doanh thu từ các bên liên quan (TM số 28)</i>	284.297.971	442.483.749

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Giá vốn hàng hóa đã bán	25.349.840	20.242.161
Giá vốn dịch vụ cung cấp	1.891.458	88.484.714
TỔNG CỘNG	27.241.298	108.726.875

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Chi phí lãi vay	548.037.985	470.202.327
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	20.147.151	706.756.582
Khác	102.802	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	863
TỔNG CỘNG	568.287.938	1.176.959.772

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.519.835	1.918.893
Chi phí lương nhân viên	374.520	395.561
Chi phí bán hàng khác	606.661	33.850
	<u>3.501.016</u>	<u>2.348.304</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí lương nhân viên	34.639.167	34.781.844
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.042.850	24.389.018
Chi phí khấu hao và hao mòn	4.373.148	4.386.213
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(47.023.661)	(953.308.718)
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	11.254.514	18.736.904
	<u>17.286.018</u>	<u>(871.014.739)</u>
TỔNG CỘNG	<u>20.787.034</u>	<u>(868.666.435)</u>

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Thu nhập khác		
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	137.177.515	272.727
Thu nhập khác	9.536	541.257
	<u>137.187.051</u>	<u>813.984</u>
Chi phí khác		
Các khoản phạt	355.034	1.951.736
Xóa sổ công nợ	223.316	22.510.084
Chi phí khác	2.015.572	10.652.884
	<u>2.593.922</u>	<u>35.114.704</u>
LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC	<u>134.593.129</u>	<u>(34.300.720)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.546.737	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	2.593.285	2.415.446
TỔNG CỘNG	31.140.022	2.415.446

27.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) của năm hiện tại và năm trước. Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và lợi nhuận tính thuế:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	172.179.799	182.804.560
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Lãi suất ấn định	99.668.968	-
Thay đổi các khoản dự phòng	81.131.638	(224.476.856)
Chi phí lãi vay vượt mức (*)	34.617.599	65.818.845
Các chi phí không được khấu trừ khác	8.900.356	22.267.402
Thu nhập cổ tức	-	(39.023.705)
Lỗ thuế chưa ghi nhận tài sản thuế hoãn lại	-	4.686.984
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(12.966.425)	(12.077.230)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	383.531.935	-
Lỗ năm trước chuyển sang	(240.798.251)	-
Lợi nhuận tính thuế ước tính năm hiện hành	142.733.684	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.546.737	-
Thuế TNDN phải trả đầu năm	65.230	65.230
Thuế TNDN đã trả trong năm	(549.614)	-
Thuế TNDN phải trả cuối năm (TM số 17)	28.062.353	65.230

(*) Theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, đây là các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định không được trừ thuế TNDN ước tính bởi Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.2 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả với các biến động trong năm này và năm trước như sau:

	Ngàn VND			
	Bảng cân đối kế toán tổng hợp		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Chênh lệch tỷ giá hối đoái từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(4.403.574)	(1.810.289)	(2.593.285)	(2.415.446)
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	(4.403.574)	(1.810.289)		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(2.593.285)	(2.415.446)

27.3 Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 348.398.538 ngàn VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 589.196.789 ngàn VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2023	Không được chuyển lỗ	Ngàn VND	
					Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	
2019	2024	25.936.860 (*)	(25.936.860)	-	-	-
2022	2027	563.259.929 (**)	(214.861.391)	-	348.398.538	-
TỔNG CỘNG		589.196.789	(240.798.251)	-	348.398.538	-

(*) Lỗ tính thuế đã được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này.

(**) Lỗ tính thuế được Công ty kê khai theo tờ khai thuế ngày 31 tháng 3 năm 2023, và chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ lỗ tính thuế chuyển sang các năm sau do chưa chắc chắn được thu nhập chịu thuế phát sinh trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan (đến ngày 20 tháng 6 năm 2023) Công ty con trực tiếp (từ ngày 20 tháng 6 năm 2023)
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Thể thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Kon Thụp	Công ty con trực tiếp (từ ngày 25 tháng 12 năm 2023)
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con trực tiếp (đến ngày 27 tháng 12 năm 2023)
Công ty Cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con trực tiếp (đến ngày 13 tháng 1 năm 2023) Công ty liên kết (từ ngày 19 tháng 1 năm 2023 đến ngày 29 tháng 12 năm 2023)
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Mang Yang	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Sản xuất Bột mì	Công ty con gián tiếp (từ ngày 20 tháng 6 năm 2023)
Công ty Cổ phần Trồng trọt Gia Lai	Công ty con gián tiếp (từ ngày 20 tháng 6 năm 2023)
Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Bolaven	Công ty con gián tiếp (từ ngày 1 tháng 4 năm 2023)
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Hoàn Thịnh Attapeu	Công ty con gián tiếp (từ ngày 20 tháng 6 năm 2023)
Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn gia súc Trà Bá	Công ty con gián tiếp (từ ngày 20 tháng 6 năm 2023)
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH CN&NN Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty liên quan
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Dược Thú y Nasa	Công ty liên quan
Công ty TNHH Một Thành viên Bao bì Linh Khang	Công ty liên quan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Đoàn Nguyên Đức Ông Võ Trường Sơn	Chủ tịch HĐQT Tổng Giám đốc (đến ngày 7 tháng 2 năm 2024) kiêm Thành viên HĐQT Thành viên HĐQT
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên HĐQT (đến ngày 28 tháng 4 năm 2023)
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh Ông Trần Văn Dai Ông Nguyễn Chí Thắng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Thành viên HĐQT Thành viên HĐQT (từ ngày 28 tháng 4 năm 2023) kiêm Giám đốc công ty con
Ông Nguyễn Xuân Thắng Bà Hồ Thị Kim Chi Bà Đỗ Trần Thùy Trang Bà Lê Hồng Phong Bà Phạm Ngọc Châu Bà Lê Trương Y Trâm Bà Đoàn Thị Mai Phương	Tổng Giám đốc (từ ngày 7 tháng 2 năm 2024) Phó Tổng giám đốc Trưởng BKS Thành viên BKS Thành viên BKS Kế toán trưởng Thư ký Công ty kiêm Người phụ trách quản trị Công ty Thư ký Công ty
Bà Hồ Thị Mỹ Loan Ông Trần Quang Dũng Ông Nguyễn Ngọc Mai Ông Lê Văn Thạch	Phó giám đốc công ty con Giám đốc công ty con Giám đốc công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty con	Tăng khoản đầu tư	3.450.326.000	2.145.600.000
		Lãi cho vay	132.836.456	235.972.770
		Cho vay	-	679.440.000
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty con	Tăng khoản đầu tư	600.000.000	-
		Lãi cho vay	57.250.407	28.667.790
		Cho vay	5.000.000	20.300.000
		Mua hàng hóa và dịch vụ	111.180	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	17.088	-
		Cho mượn	-	8.000.000
		Mua dịch vụ	-	102.000
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Tăng khoản đầu tư	500.000.000	-
		Lãi cho vay	39.601.628	39.638.499
		Cho mượn	19.000.000	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	8.922.766	89.759.595
		Cho vay	8.700.000	256.967.000
		Mua hàng hóa và dịch vụ	4.935.179	72.008.383
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Lãi cho vay	39.263.485	36.473.811
		Lãi trái phiếu	30.416.667	30.416.667
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con (đến ngày 27 tháng 12 năm 2023)	Đi mượn	24.700.000	29.500.000
		Cung cấp dịch vụ	183.141	68.948
		Mua dịch vụ	1.140	21.840
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Nhận cổ tức	-	38.963.731
		Lãi cho vay	62.324.917	48.833.302
		Cho vay	28.000.000	20.000.000
		Chi hộ	712.063	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	57.473	32.912
Mua hàng hóa	690	1.241.048		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con (đến ngày 13 tháng 1 năm 2023)	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	218.507	224.358
	Công ty liên kết (đến ngày 29 tháng 12 năm 2023)	Mua hàng hóa	2.427	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Lãi cho vay	4.981.703	4.047.501
		Chi hộ	859.132	622.490
Công ty Cổ phần Thể thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho mượn	1.720.000	25.872.500
		Chi hộ	497.723	500.524
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	489.517	560.865
		Mua hàng hóa và dịch vụ	4.200	-
Cty TNHH Sản Xuất Bột mì	Công ty con	Chi hộ	1.589.237	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Chi hộ	1.361.661	-
		Lãi cho vay	-	6.812.291
		Cho vay	-	2.000.000
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	98.919
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Công ty con	Chi hộ	937.031	-
Công ty Cổ phần Thức ăn Gia súc Trà Bá	Công ty con	Chi hộ	673.824	-
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.091	1.846.282
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Lãi cho vay	-	1.874.921
Ông Nguyễn Kim Luân	Bên liên quan	Lãi cho vay	-	1.199.133
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Nhà Máy nhựa	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	515.619

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngàn VND Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 5)</i>				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.762.907	4.756.694
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	3.345.741	3.452.085
Công ty Cổ phần Thể thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.865.321	5.628.742
Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.649.186	168.105.994
Các công ty khác	Công ty liên quan	Các khoản khác	1.241.296	1.084.985
			14.864.451	183.028.500
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 6)</i>				
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Ứng trước mua hàng hóa	286.841.877	286.841.877
Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai	Công ty con	Ứng trước mua hàng hóa	24.675.820	-
			311.517.697	286.841.877
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM số 7) (*)</i>				
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho vay	984.698.038	501.373.770
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Cho vay	626.740.018	8.907.530
Công ty TNHH Dịch vụ Nông Nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Cho vay	398.797.080	398.797.080
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho vay	112.597.142	-
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty con	Cho vay	61.722.674	148.835.651
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Cho vay	49.900.701	49.900.701
Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai	Công ty con	Cho vay	16.670.684	519.148.888

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				Ngàn VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm	
Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM số 7) (*) (tiếp theo)					
Công ty TNHH CN&NN Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho vay	16.744.250	-	
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty con	Cho vay	-	2.753.404.202	
			2.267.870.587	4.380.367.822	

(*) Khoản này thể hiện khoản cho các bên liên quan vay tín chấp với thời hạn hoàn trả trong năm 2024 với lãi suất từ 9,30% đến 10,40%/năm, nhằm mục đích tái cơ cấu các khoản nợ trong các công ty này.

Phải thu về cho vay dài hạn (TM số 7)

Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Cho vay	5.000.000	-	
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho vay	-	883.510.126	
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Cho vay	-	605.632.488	
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty con	Cho vay	-	183.116.833	
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho vay	-	109.304.691	
Công ty TNHH CN&NN Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho vay	-	16.254.633	
			5.000.000	1.797.818.771	

Các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn đã được phê duyệt tại kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông ngày 28 tháng 4 năm 2023, phù hợp với các điều khoản và quy định liên quan đến việc cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan theo Nghị định số 71/2017/ND-CP do Chính phủ ban hành ngày 6 tháng 6 năm 2017 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				<i>Ngàn VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
<i>Phải thu ngắn hạn khác (TM số 8)</i>					
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Chi trả hộ Lãi cho vay Khác	582.325.537 28.223.836 56.434	576.679.710 23.242.638 -	
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Chi trả hộ Lãi cho vay Khác	386.500.732 147.444.851 -	197.920.332 - 83.837.000	
Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai	Công ty con	Chi trả hộ Lãi cho vay	207.436.057 123.917.035	409.253.577 97.745.436	
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Chi trả hộ Lãi cho vay Khác	196.847.181 100.428.011 -	1.300.000 61.164.527 22.000	
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty con	Lãi cho vay Khác	143.653.668 1.345.345	- 1.015.617	
Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn Gia súc Trà Bá	Công ty con	Chi trả hộ	141.346.241	-	
Công ty TNHH Sản xuất Bột mì	Công ty con	Chi trả hộ	96.330.549	-	
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Công ty con	Chi trả hộ	42.698.900	-	
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	10.653.887	-	
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty con	Lãi cho vay	-	649.991.651	
Các bên khác	Bên liên quan	Khác	5.850.117	1.071.574	
			2.215.058.381	2.103.244.062	
<i>Phải thu dài hạn khác (TM số 8)</i>					
Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	88.192	-	
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	-	10.342.357	
Công ty TNHH CN&NN Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	-	1.588.193	
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty con	Lãi cho vay	-	86.403.261	
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	-	85.119.935	
			88.192	183.453.746	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Ngàn VND	
				Số đầu năm	
Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 15)					
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Mua hàng hóa	15.503.068	15.503.068	
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	8.982.932	8.982.932	
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	6.836.392	7.509.227	
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	2.699.175	2.699.174	
Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	2.565.474	204.738.822	
Các công ty khác	Bên liên quan	Mua hàng hóa	192.040	1.270.790	
			36.779.081	240.704.013	
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 16)					
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Tạm ứng mua hàng hóa và dịch vụ	8.640.087	8.640.087	
Công ty Cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con (đến ngày 13 tháng 1 năm 2023) Công ty liên kết (đến ngày 29 tháng 12 năm 2023)	Tạm ứng mua hàng hóa và dịch vụ	44.034	70.630	
			8.684.121	8.710.717	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Ngàn VND</i>				
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 19)				
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty con	Mượn	313.783.260	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y Dược - Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con trực tiếp (đến ngày 27 tháng 12 năm 2023)	Mượn	55.765.839	18.790.083
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Công ty con	Thu hộ	22.769.750	22.769.750
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Thu hộ	5.737.000	5.737.000
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Thu hộ	715.275	10.415.275
Các công ty khác	Bên liên quan	Khác	13.709.320	312.420
			412.480.444	58.024.528

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)	
		Năm nay	Năm trước
<i>Ngàn VND</i>			
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	2.418.600	2.574.084
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.919.006	2.129.349
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.376.438	1.547.330
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	1.086.593	1.271.810
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng Ban Kiểm soát	656.613	766.299
Ông Trần Văn Dai	Thành viên HĐQT	162.000	108.000
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên Ban Kiểm soát	108.000	163.800
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên Ban Kiểm soát	108.000	277.780
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên HĐQT	67.500	256.500
Các cá nhân khác		767.776	1.535.698
TỔNG CỘNG		8.670.526	10.630.650

(*) Bao gồm tiền lương và/hoặc các khoản thù lao khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty thuê các lô đất tại Việt Nam để xây dựng nhà xưởng, khách sạn. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty ước tính số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai cho các lô đất thuê này theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	1.483.313	1.900.828
Từ 1 đến 5 năm	6.028.234	6.209.726
Trên 5 năm	30.423.830	31.725.652
TỔNG CỘNG	<u>37.935.377</u>	<u>39.836.206</u>

Cam kết bảo lãnh

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đang dùng 64.375.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty để đảm bảo cho các khoản vay của HNG.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 13/23/NQHĐQT-HAGL ngày 10 tháng 8 năm 2023, nhằm mục đích đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ tín dụng của Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai ("Hưng Thịnh Lợi"), công ty con của Công ty, tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gia Lai với hạn mức tín dụng 500.000.000 ngàn VND trong thời hạn hiệu lực là 12 tháng cho mục đích bổ sung vốn lưu động, Công ty đã cầm cố 30.000.000 cổ phần trong Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai, một công ty con khác của Công ty và cam kết bảo lãnh toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Hưng Thịnh Lợi phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng trong hạn mức nêu trên.

Ngoài ra, theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7694660/HĐTD ký ngày 24 tháng 9 năm 2015 và Hợp đồng tín dụng số 01/2018/7694660/HĐTD ký ngày 2 tháng 10 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Bá Thước ("Bá Thước") và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa ("BIDV Thanh Hóa"), Công ty đã cam kết bảo lãnh cho Bá Thước vay vốn tại BIDV Thanh Hóa theo Thư bảo lãnh vay vốn số 0109/CV-BLHAGL ký ngày 1 tháng 9 năm 2015 với tổng dư nợ gốc là 160.000.000 ngàn VND cùng toàn bộ lãi, phí và phạt phát sinh (nếu có).

30. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nợ khó đòi đã xử lý		
- Công ty Cổ phần Thể Thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai	444.052.578	444.052.578
- Công ty TNHH MTV Xây Lắp Điện	6.992.216	6.992.216
- Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kontum	3.720.000	3.720.000
TỔNG CỘNG	<u>454.764.794</u>	<u>454.764.794</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 11 tháng 1 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 13.310.000 cổ phần HNG cho các nhà đầu tư khác. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong HNG giảm từ 9,4% xuống còn 8,24%.

Vào ngày 4 tháng 3 năm 2024, Công ty đã thực hiện ký kết Hợp đồng nhận tài trợ từ Ngân hàng Cổ phần Bưu điện Liên Việt ("LPBank") với tổng hạn mức tài trợ là 5.000 tỷ VND, nhằm mục đích đầu tư cho mảng nông nghiệp xanh. Tiền giải ngân sẽ được sử dụng để đẩy mạnh đầu tư trồng mới, chăm sóc và phát triển 3 sản phẩm chủ lực của các công ty trong Tập đoàn gồm: chuỗi, sấu riêng và chăn nuôi heo.

Ngoài các sự kiện được nêu trên, không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.


Phạm Thị Thu Hà
Người lập


Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng


Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

